

Phụ lục kê khai phí BVMT đối với khí thải

CÔNG TY TNHH CÔNG
NGHIỆP NAM GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI
Quý 01 Năm 2025

Kính gửi: Sở/Phòng Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NAM GIANG

Địa chỉ: Lô A2, A3 Khu Công nghiệp Đình Trám, Phường Nénh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

MST:	2	4	0	0	3	1	5	0	7	9			
------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Điện thoại: 0918127998 Fax: Email: quy.tkvina@gmail.com

Tài khoản số: 14022902998019 Tại ngân hàng: Techcombank

Loại hình, lĩnh vực sản xuất: Gia công các sản phẩm mạ

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau:
(Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)

- Hệ thống xử lý khí thải mạ số 01 (nhà xưởng số 7): 29.000 m³/giờ
- Hệ thống xử lý khí thải mạ số 02 (nhà xưởng số 7): 18.279 m³/giờ
- Hệ thống xử lý khí thải mạ số 04 (nhà bán mái số 7): 4.000 m³/giờ
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi: 2.490 m³/giờ

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

i. Thông tin về dòng khí thải thứ i

- Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 5.760 giờ
- Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm³/giờ): 53.769
- Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (Ci)
Bụi	26,6	444,33

NO _x (gồm NO ₂ và NO)	0	0
SO _x	0	0
CO	0,684	7,14

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C _i)
Bụi	22,5	236,9
NO _x (gồm NO ₂ và NO)	0	0
SO _x	0	0
CO	0,912	1,31

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C _i)
Bụi	24,9	57,37
NO _x (gồm NO ₂ và NO)	0	0
SO _x	0	0
CO	0,912	1,31

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C _i)
Bụi	22,7	31,56
NO _x (gồm NO ₂ và NO)	14,8	21,23
SO _x	0	0
CO	29,3	26,26

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường): Phiếu kết quả quan trắc của công ty cổ phần môi trường Trường Thịnh Phát

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ (C = ΣC_i)*

31502
 ÔNG T
 T.N.H.P
 NG NGI
 M GIA
 H BẮC C

$C = 451,47 + 242,9 + 58,68 + 80,05 = 833,1$ đồng.

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = 500.000 đồng.
2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	500.833,1
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	0
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	0
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	500.833,1

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (*Viết bằng chữ*): Năm trăm nghìn tám trăm ba mươi ba phẩy một đồng
Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày.....
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

....., ngày 13 tháng 8 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI, NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/
Ký điện tử/Ký số)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hải Giang



* **Ghi chú:** Đối với cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải không phải kê Mục C Tờ khai phí này.